

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản,

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản**1. Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 6 được sửa đổi như sau:****"Điều 6. Thủ tục và trình tự cấp giấy phép**

1. Hồ sơ xin cấp giấy phép một (01) bộ, bao gồm:

a) Đơn xin cấp giấy phép;

b) Các loại giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP (bản sao chụp).

2. Hồ sơ xin gia hạn giấy phép một (01) bộ, bao gồm:

a) Đơn xin gia hạn giấy phép;

b) Giấy chứng nhận an toàn của tàu cá (bản sao chụp).

3. Tổ chức cá nhân xin cấp lại giấy phép trong trường hợp giấy phép bị mất hoặc giấy phép bị rách, nát, hư hỏng, nộp đơn theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, xét cấp, cấp lại giấy phép trong thời hạn năm (05) ngày làm việc và gia hạn giấy phép trong hai (02) ngày làm việc, kể

từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong trường hợp không cấp hoặc không cấp lại hoặc không gia hạn giấy phép thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do."

2. Điều 7 được sửa đổi như sau:

"Điều 7. Cơ quan cấp giấy phép

Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý chuyên ngành về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép đối với các tổ chức, cá nhân có tàu cá đăng ký tại tỉnh."

Điều 2. Bãi bỏ một số điều, khoản của Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản

1. Bãi bỏ Khoản 5 Điều 1.

2. Bãi bỏ Khoản 6 Điều 1.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển

1. Khoản 4 và Khoản 5 Điều 2 được sửa đổi như sau:

"Điều 2. Giải thích thuật ngữ

4. Vùng biển ngoài vùng biển Việt Nam là vùng biển cả, vùng biển của quốc gia và vùng lãnh thổ khác.

5. Biển cả là tất cả những vùng biển không nằm trong vùng đặc quyền kinh tế, lãnh hải hay nội thủy của quốc gia cũng như không nằm trong vùng nước quần đảo của quốc gia quần đảo."

2. Điểm a Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi như sau:

"Điều 4. Phân vùng khai thác thủy sản

a) Vùng biển ven bờ được giới hạn bởi mực nước thủy triều thấp nhất và tuyến bờ. Đối với các địa phương có đảo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào sự cần thiết và đặc điểm cụ thể của từng đảo quy định vùng biển ven bờ của các đảo đó, nhưng giới hạn không quá sáu (06) hải lý, tính từ mực nước thủy triều thấp nhất của đảo."

3. Điều 6 được sửa đổi như sau:

"Điều 6. Điều kiện khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam

Tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đối với tàu cá:

a) Tàu cá có đủ tiêu chuẩn vùng hoạt động hạn chế cấp I hoặc cấp không hạn chế. Trường hợp hoạt động tại vùng biển của quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á thì tàu cá phải có đủ tiêu chuẩn vùng hoạt động hạn chế cấp II trở lên;

b) Đã được đăng ký, đăng kiểm. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá phải còn thời gian hiệu lực ít nhất là 3 tháng;

c) Trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn cho người và tàu cá, thông tin liên lạc tương ứng với vùng biển hoạt động theo quy định của pháp luật;

d) Có đủ biên chế thuyền viên theo quy định của pháp luật;

2. Đối với thuyền viên và người làm việc trên tàu cá:

a) Thuyền trưởng, máy trưởng phải có bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Có bảo hiểm thuyền viên;

c) Có sổ thuyền viên tàu cá hoặc chứng chỉ nghiệp vụ thuyền viên tàu cá.

3. Đối với tổ chức, cá nhân đưa tàu cá đi khai thác ở vùng biển của quốc gia hoặc lãnh thổ khác phải đáp ứng các điều kiện quy định đối với tàu cá, đối với thuyền viên, người làm việc trên tàu cá và các điều kiện sau:

a) Có hợp đồng hợp tác khai thác thủy sản với tổ chức, cá nhân của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ có biển, được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ có biển đó chấp thuận hoặc theo nội dung của Hiệp định hợp tác nghề cá giữa quốc gia và vùng lãnh thổ có biển với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Thuyền viên trên tàu phải có hộ chiếu phổ thông;

c) Trên tàu hoặc cùng một nhóm tàu phải có ít nhất một (01) người biết tiếng Anh hoặc ngôn ngữ thông dụng của quốc gia, vùng lãnh thổ mà tàu cá đến khai thác;

d) Đáp ứng được điều kiện khác theo quy định của pháp luật nước sở tại (nếu có).

4. Đối với tổ chức, cá nhân tổ chức đưa tàu cá đi khai thác ở vùng biển của quốc gia hoặc lãnh thổ khác phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có hợp đồng hợp tác khai thác thủy sản với tổ chức, cá nhân của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ có biển, được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ có biển đó chấp thuận hoặc theo nội dung của Hiệp định hợp tác nghề cá giữa quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Đáp ứng các điều kiện về tàu cá, thuyền viên và người làm việc trên tàu quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này;

c) Đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của pháp luật nước sở tại (nếu có)."

4. Điều 7 được sửa đổi như sau:

"Điều 7. Thủ tục và trình tự cấp phép cho tàu cá khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác và trả lại giấy tờ mà tổ chức, cá nhân đã nộp khi được cấp phép

1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cho Tổng cục Thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ một (01) bộ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép cho tàu cá hoạt động khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc lãnh thổ khác;

b) Hợp đồng hợp tác khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc lãnh thổ khác được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia và lãnh thổ đó chấp thuận (bản công chứng);

c) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (bản sao chụp);

đ) Danh sách, ảnh và số hộ chiếu của thuyền viên, người làm việc trên tàu cá;

e) Bảng thuyền trưởng, máy trưởng (bản sao chụp).

2. Trong thời hạn (05) năm ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Tổng cục Thủy sản xem xét hồ sơ và cấp phép cho tàu cá đi khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc lãnh thổ khác (bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Trong trường hợp không cấp phép thì Tổng cục Thủy sản phải có văn bản trả lời chủ tàu cá và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn (05) năm ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Tổng cục Thủy sản xem xét hồ sơ, cấp phép cho tàu cá đi khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc lãnh thổ khác và các giấy tờ có liên quan (bằng tiếng Việt và tiếng Anh), gồm:

a) Giấy phép cho tàu cá khai thác thủy sản khai thác ở vùng biển của quốc gia hoặc lãnh thổ khác;

b) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá;

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá;

d) Danh sách, ảnh và số hộ chiếu của thuyền viên và người làm việc trên tàu cá.

4. Sau khi cấp phép cho tàu cá đi khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc lãnh thổ khác, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày cấp phép,

Tổng cục Thủy sản phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tàu đi khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc lãnh thổ khác và các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao biết để phối hợp theo dõi và quản lý.

5. Tổ chức, cá nhân khi nhận giấy phép cho tàu cá khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc lãnh thổ khác và các giấy tờ có liên quan phải nộp lại cho Tổng cục Thủy sản các giấy tờ sau:

- a) Giấy phép khai thác thủy sản (bản chính);
- b) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (bản chính);
- c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (bản chính).

6. Để nhận lại các giấy tờ đã nộp, tổ chức, cá nhân gửi đơn đề nghị nhận lại các giấy tờ đến Tổng cục Thủy sản (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này).

Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn theo quy định, Tổng cục Thủy sản phải trả lại các giấy tờ mà tổ chức, cá nhân đã nộp."

5. Bổ sung Khoản 6, Khoản 7 vào Điều 9 như sau:

"Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản ở vùng biển ngoài vùng biển Việt Nam

6. Trước khi rời cảng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác về nước, thuyền trưởng hoặc chủ tàu phải thông báo cho Tổng cục Thủy sản hoặc cơ quan quản lý thủy sản tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký tàu cá, bằng phương tiện thông tin liên lạc hoặc bằng văn bản trước 05 ngày, kể từ ngày dự kiến về đến cảng Việt Nam.

7. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân tổ chức đưa tàu cá Việt Nam đi khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc lãnh thổ khác:

- a) Chỉ được đưa tàu cá Việt Nam đi khai thác ở vùng biển của quốc gia và vùng lãnh thổ khác khi đã được Tổng cục Thủy sản cấp phép cho tàu cá đi khai thác;
- b) Hướng dẫn, phổ biến cho thuyền trưởng, thuyền viên tàu cá về quyền và trách nhiệm của họ khi tiến hành khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác; ký kết hợp đồng lao động và tuân thủ pháp luật về lao động;
- c) Phối hợp với cơ quan chức năng để giải quyết và xử lý các vụ việc xảy ra có liên quan đến người và tàu cá do tổ chức, cá nhân đưa đi khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác;
- d) Tạm ứng chi phí để đưa thuyền trưởng, thuyền viên và người làm việc trên tàu cá về nước và các chi phí rủi ro khác (nếu có);